

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm đồng cấp ngày 28 tháng 05 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh Giấy phép như sau:

- Lần 1: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 29 tháng 06 năm 2004, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 15.000.000.000 VND.
- Lần 2: Giấy xác nhận số 683/KHĐT-ĐKKD ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi Tên Công ty thành “ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng”.
- Lần 3: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND.
- Lần 4: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 18 tháng 06 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 41.391.600.000 VND.
- Lần 5: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 22 tháng 04 năm 2009, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 41.391.600.000 VND lên 85.000.000.000 VND.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 VND
- Trụ sở chính của Công ty:
 - Địa chỉ : Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt.
 - Điện thoại : (0633) 832 511 – 828 127 – 825 549
 - Fax : (0633) 830 142
 - Email : ctyvldld@hcm.vnn.vn
 - Mã số thuế : 5800391633

- Các Xí nghiệp thành viên:

Xí nghiệp Hiệp An

Địa chỉ : Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng.
Điện thoại : (063) 3913219
(063) 3840872
Fax : (063) 3840609
Mã số thuế : 5800391633 – 001

Xí nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ

Địa chỉ : Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng.
Điện thoại : (063) 3848862
Fax : (063) 3620042
Mã số thuế : 5800391633 – 003

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xí nghiệp Đá Cát

Địa chỉ : 17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3832512

Mã số thuế : **5800391633 – 004**

Xí nghiệp Hiệp Tiến

Địa chỉ : Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3868560

Fax : (063) 3868555

Mã số thuế : **5800391633 – 006**

Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực

Địa chỉ : 17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3552318

Mã số thuế : **5800391633 – 007**

- Công ty con: Công ty Cổ Phần Hiệp Thành.
- Công ty con: Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát
- Công ty liên kết: Công ty Cổ Phần Hiệp Phú.
- Hoạt động chính của Công ty: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 30).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng cho tới thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đã bán hết cổ phần của Công ty cổ phần Hiệp Phú căn cứ vào nghị quyết số 11/2011/NQ-HĐQTCTy. Ngoài sự kiện nêu trên Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 ngoài sự kiện nêu trên cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch	01-07-2011	
Ông Lương Hùng Minh	P.Chủ tịch	01-07-2011	
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên		
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên		
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên		
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên		
Ông Võ Lai	Thành viên	01-07-2011	
Ông Nguyễn Danh Cường	Thành viên		01-07-2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Vũ Ngọc Phách	Trưởng ban		
Ông Lê Cao Ân	Thành viên	01-07-2011	
Bà Nguyễn Viết Hưng	Thành viên	01-07-2011	
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên		01-07-2011
Bà Phan Phạm Phú Nam Châu	Thành viên		01-07-2011

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc	01-07-2011	
Ông Lương Hùng Minh	Tổng Giám đốc		01-07-2011
Ông Võ Xuân Sơn	Phó tổng Giám đốc		

Kế toán Trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 đầu năm 2011, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN AN THÁI – Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2012, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012



VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.570.696.162	78.601.165.188
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.674.869.381	25.795.498.536
1. Tiền	111	VI.1	13.674.869.381	11.795.498.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	14.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	5.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.651.475.683	27.285.060.366
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	23.998.738.328	21.344.399.577
2. Trả trước cho người bán	132		2.980.773.552	2.889.296.225
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	2.722.406.013	6.258.728.936
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.050.442.210)	(3.207.364.372)
IV. Hàng tồn kho	140		21.064.093.048	17.612.425.938
Hàng tồn kho	141	VI.5	21.064.093.048	17.612.425.938
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.180.258.050	1.908.180.348
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	614.559.615	176.697.190
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		50.648.279	3.300.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	1.515.050.156	1.728.183.158
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.199.532.689	105.305.628.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		79.649.380.203	91.983.597.610
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	77.552.312.323	90.001.507.407
Nguyên giá	222		144.291.620.094	145.633.233.796
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.739.307.771)	(55.631.726.389)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	1.273.081.699	1.391.898.094
Nguyên giá	228		4.336.485.373	4.108.074.373
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.063.403.674)	(2.716.176.279)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	823.986.181	590.192.109
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.11	10.062.270.312	8.418.700.000
1. Đầu tư vào Công ty con	251		9.012.270.312	7.368.700.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		1.050.000.000	1.050.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.487.882.174	4.903.330.538
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	2.919.041.317	4.357.956.097
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.13	568.840.857	545.374.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		178.770.228.851	183.906.793.336

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		56.375.961.921	60.563.983.786
I. Nợ ngắn hạn		310		40.855.956.907	40.914.876.517
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	VI.14	18.802.271.248	20.416.498.296
2. Phải trả người bán		312	VI.15	11.866.653.469	7.997.908.078
3. Người mua trả tiền trước		313		824.040.008	3.553.733.080
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	VI.16	682.534.320	1.509.120.279
5. Phải trả người lao động		315		4.857.294.126	3.966.022.938
6. Chi phí phải trả		316	VI.17	1.103.988.077	1.140.635.154
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	VI.18	1.857.431.051	1.819.237.849
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		861.744.608	511.720.843
II. Nợ dài hạn		330		15.520.005.014	19.649.107.269
1. Vay và nợ dài hạn		334	VI.19	15.280.674.510	19.252.541.960
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		169.330.504	326.565.309
3. Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ				70.000.000	70.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		122.394.266.930	123.342.809.550
I. Vốn chủ sở hữu		410	VI.20	122.394.266.930	123.342.809.550
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Cổ phiếu quỹ		414		(4.372.135.515)	(2.549.053.629)
4. Quỹ đầu tư phát triển		417		7.380.605.992	6.314.259.782
5. Quỹ dự phòng tài chính		418		1.725.480.714	1.121.609.348
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		11.281.749.019	12.077.427.329
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		178.770.228.851	183.906.793.336

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		292.428,12	261.560,22

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc


PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng


LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	182.108.383.846	139.401.630.268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.036.850	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		182.050.346.996	139.401.630.268
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	121.757.231.012	91.095.916.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			60.293.115.984	48.305.713.795
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	5.139.474.500	4.233.522.364
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	7.007.830.179	6.009.133.578
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.961.984.536	6.006.367.744
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	22.668.919.308	18.836.980.735
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	20.903.504.396	14.254.607.380
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.852.336.601	13.438.514.466
11. Thu nhập khác	31	VII.7	1.393.409.521	2.209.542.928
12. Chi phí khác	32	VII.8	1.624.612.400	388.643.686
13. Lợi nhuận khác	40		(231.202.879)	1.820.899.242
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.621.133.722	15.259.413.708
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	3.204.384.703	3.043.986.377
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.416.749.019	12.215.427.331
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/Cổ phiếu)	70	VI.10	1.396,18	1.462,07

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		14.621.133.722	15.259.413.708
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		14.294.153.334	13.608.487.144
- Các khoản dự phòng	03		2.843.077.838	306.269.085
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		22.297.441	(1.076.360.958)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.284.505.744)	(2.765.372.229)
- Chi phí lãi vay	06		6.961.984.536	6.006.367.744
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.458.141.127	31.338.804.494
- Tăng các khoản phải thu	09		1.932.053.458	(7.539.769.139)
- Giảm hàng tồn kho	10		(3.451.667.110)	221.532.200
- Giảm các khoản phải trả	11		(7.211.224.706)	(7.880.423.324)
- Tăng chi phí trả trước	12		1.001.052.355	969.852.727
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.961.984.536)	(6.006.367.744)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.492.252.707)	(2.999.092.524)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		771.694	845.678.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(648.183.260)	(599.286.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.626.706.315	8.350.927.890
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.520.686.660)	(8.387.472.513)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		645.336.852	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	12.000.000.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.556.349.313	3.097.439.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(319.000.495)	6.709.967.180
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	157.500.000
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.823.081.886)	(281.319.072)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		37.693.912.416	43.091.025.839
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.308.139.464)	(39.893.873.158)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.968.728.600)	(10.859.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.406.037.534)	(7.786.166.391)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.901.668.286	7.274.728.679
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.795.498.536	17.848.408.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.297.441)	672.361.713
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	33.674.869.381	25.795.498.536

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác - Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt; San lấp mặt bằng, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; Kinh doanh vận chuyển hàng; Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản; Hoạt động xuất nhập khẩu; Trồng rừng.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty Cổ phần Hiệp Thành

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 58,48%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 58,48%

Công ty con

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Hiệp Phú:

Địa chỉ trụ sở chính: 191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ phần sở hữu: 35,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính 2011 là năm tài chính thứ chín của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào các khoản phải thu không có khả năng thu hồi, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong năm.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được ước tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 12

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

Trong kỳ Công ty đã thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của máy móc thiết bị từ 15 năm thành 25 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Việc thay đổi thời gian hữu ích của tài sản làm chi phí khấu hao làm chi phí khấu hao năm 2010 giảm 968.838.888 VND so với năm trước.

Tài sản cố định vô hình

Hệ thống chất lượng ISO

Toàn bộ các chi phí Công ty đã bỏ ra để xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí hầm mỏ, thăm dò và chi phí đền bù giải tỏa

Các chi phí Công ty đã bỏ ra để đền bù giải tỏa, thăm dò hầm mỏ và quyền khai thác hầm mỏ được khấu hao từ ba (03) đến 12 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng hay lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá ba (03) năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí san lấp vùng nguyên liệu và các chi phí triển khai dự án được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá ba (03) năm.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại, và phải trả khác được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong năm.

15. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	372.435.663	729.924.011
VND	372.435.663	729.924.011
Tiền gửi Ngân hàng	13.302.433.718	11.065.574.525
VND	7.211.740.835	5.965.130.735
USD quy đổi VND	6.090.692.883	5.100.443.790
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	14.000.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	33.674.869.381	25.795.498.536

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng đầu tư & phát triển	5.000.000.000	6.000.000.000
--	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Phải thu khách hàng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP XD và TM Minh Phụng	333.762.763	333.209.000
Công ty Đồng Nai	404.376.060	-
Công ty TNHH SX-TM Vật Liệu Chịu Lửa Lê Vỹ	706.332.000	251.724.000
Taekwang industry technical co.,ltd	300.576.974	282.366.286
Ông Lee Dong Wook	445.378.387	442.458.300
Công ty TNHH Một thành viên 59	298.476.000	732.072.500
Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng COTEC	535.730.600	-
Công ty Quản Lý Đường Bộ 1 Lâm Đồng	1.411.000.701	-
Công ty Cổ phần E. C. O. N	1.629.314.500	-
Công ty TNHH XD TM Thuận Việt	2.751.677.417	1.165.896.100
Công ty CP Công nghiệp gốm sứ Taicera	2.129.867.344	3.363.626.771
Công ty TNHH Vicera	344.826.035	357.794.405
Công ty Cổ Phần Quốc tế Pancera	513.377.150	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	453.615.910	-
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	300.000.000	1.237.758.000
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	522.332.189	17.266.500
Khách hàng khác	10.918.094.298	13.160.227.715
Cộng	23.998.738.328	21.344.399.577

4. Các khoản phải thu khác

Lãi đầu tư ngắn hạn	224.383.562	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	473.195.210	-
Cổ tức Công ty Hiệp Thành	368.435.000	-
Cổ tức năm 2010	-	5.014.500.000
Phải thu khác	1.656.392.241	1.244.228.936
Cộng	2.722.406.013	6.258.728.936

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	7.408.452.358	6.235.258.525
Công cụ dụng cụ	189.554.686	233.834.847
Chi phí SXKD dở dang	4.325.862.705	342.507.373
Thành phẩm	9.140.223.299	7.718.258.827
Cộng	21.064.093.048	17.612.425.938

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ	Giảm khác	Cuối năm
CP bóc tách phù bentonit	-	836.987.339	836.987.339	-	-
CP tập kết bentonit	-	31.472.854	31.472.854	-	-
Công cụ dụng cụ	68.416.667	792.619.957	527.800.332	-	333.236.292
Dịch vụ Quảng cáo Alibaba	39.846.997	225.177.090	69.837.883	-	195.186.204
Bảo hiểm tài sản cố định	24.475.000	-	24.475.000	-	-
Ván ép cao lanh	43.958.526	52.491.359	78.952.766	-	17.497.119
Chi phí dọn bãi nguyên liệu	-	7.670.455	7.670.455	-	-
Chi phí khác	-	341.230.563	270.878.076	1.712.487	68.640.000
Cộng	176.697.190	2.287.649.617	1.848.074.705	1.712.487	614.559.615

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	1.515.050.156	1.728.183.158
Cộng	1.515.050.156	1.728.183.158

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	42.457.320.481	81.748.979.542	19.293.358.791	1.296.555.224	520.611.939	316.407.819	145.633.233.796
2. Tăng trong năm	368.667.618	1.516.057.695	1.112.290.909	136.259.909	-	-	3.133.276.131
3. Giảm trong năm	368.008.907	3.401.299.486	695.110.705	10.470.735	-	-	4.474.889.833
4. Số cuối năm	42.457.979.192	79.863.737.751	19.710.538.995	1.422.344.398	520.611.939	316.407.819	144.291.620.094
II. Hao mòn lũy kế							
1. Số đầu năm	13.567.417.944	31.429.448.494	9.085.007.460	1.124.182.210	195.527.939	230.142.342	55.631.726.389
2. Tăng trong năm	2.864.591.466	8.623.730.800	2.262.121.434	117.620.414	61.608.730	17.253.095	13.946.925.939
3. Giảm trong năm	198.098.521	1.867.032.453	763.742.848	10.470.735	-	-	2.839.344.557
4. Số cuối năm	16.233.910.889	38.186.146.841	10.583.386.046	1.231.331.889	257.136.669	247.395.437	66.739.307.771
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	28.889.902.537	50.319.531.048	10.208.351.331	172.373.014	325.084.000	86.265.477	90.001.507.407
2. Số cuối năm	26.224.068.303	41.677.590.910	9.127.152.949	191.012.509	263.475.270	69.012.382	77.552.312.323

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giá trị tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 3.225.353.368 VND (Xem thuyết minh số V.15).

Giá trị của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.586.690.833 VND.

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Chi phí hàm mô, thăm dò	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	431.993.275	1.120.786.000	26.500.000	2.528.795.098	4.108.074.373
2. Tăng trong năm	-	228.411.000	-	-	228.411.000
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	431.993.275	1.349.197.000	26.500.000	2.528.795.098	4.336.485.373
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	239.264.367	1.120.786.000	1.325.000	1.354.800.912	2.716.176.279
2. Tăng trong năm	102.908.657	-	5.300.000	239.018.738	347.227.395
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	342.173.024	1.120.786.000	6.625.000	1.593.819.650	3.063.403.674
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	192.728.908	-	25.175.000	1.173.994.186	1.391.898.094
2. Số cuối năm	89.820.251	228.411.000	19.875.000	934.975.448	1.273.081.699

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào tài sản trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số dư cuối năm
Nhà máy cao lanh Hiệp Tiến	-	1.104.473.070	426.703.070	-	677.770.000
Dự án NMS Hiệp An	468.891.764	-	468.891.764	-	-
Dự án Tầm lốt nguội Hiệp An – 2010	4.538.181	14.615.000	-	-	19.153.181
Dự án cao lanh Trại mát 2 Hiệp An	94.959.091	154.319.117	133.253.636	116.024.572	-
Tái đánh giá hệ thống ISO	-	127.063.000	-	-	127.063.000
Bãi chứa nguyên liệu	21.803.073	-	21.803.073	-	-
Cộng	590.192.109	1.400.470.187	1.050.651.543	116.024.572	823.986.181

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11. Các khoản đầu tư dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào Công ty con	7.368.700.000	7.368.700.000
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	7.368.700.000	7.368.700.000
Tỷ lệ góp vốn	58,48%	58,48%
Công ty TNHH MTV Hiệp Thạnh Phát	1.643.570.312	-
Tỷ lệ góp vốn	100,00%	0,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.050.000.000	1.050.000.000
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	1.050.000.000	1.050.000.000
Tỷ lệ góp vốn	35,00%	35,00%
Cộng	10.062.270.312	8.418.700.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ	Giảm khác	Cuối năm
Chi phí đền bù hoa màu	2.407.701.788	26.000.000	1.536.272.456	-	897.429.332
Chi phí thăm dò	487.312.863	224.500.000	396.626.906	315.185.957	-
Bàn ghế HĐQT+VP TGĐ	-	20.600.000	3.433.333	-	17.166.667
Chi phí sửa văn phòng	-	46.381.818	5.153.538	-	41.228.280
Công cụ, dụng cụ	710.399.966	3.167.269.579	2.271.288.347	-	1.606.381.198
Chi phí đền bù N'Thôn Hạ	-	295.445.858	103.009.747	-	192.436.111
Chi phí đền bù Cam ly	-	19.740.099	19.740.099	-	-
Chi phí khác	752.541.479	74.406.897	639.000.445	23.548.202	164.399.729
Cộng	4.357.956.097	3.874.344.251	4.974.524.871	338.734.159	2.919.041.317

13. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ Quỹ Bảo vệ môi trường	-	71.120.000
Ký quỹ mở Lộc Tân	112.870.000	112.870.000
Ký quỹ mở xét Nghĩa Lập Xí Nghiệp Thạnh Mỹ	103.600.000	103.600.000
Ký quỹ mở cao lanh	53.192.000	40.676.000
Ký quỹ khác	299.178.857	288.228.441
Tổng cộng	568.840.857	545.374.441

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Vay và nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng Công thương	11.752.181.296	24.106.872.420	24.835.796.318	11.023.257.398
Ngân hàng Đầu tư	2.695.026.000	4.075.701.546	4.188.437.146	2.582.290.400
Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng	1.715.831.000	5.539.471.000	6.030.446.000	1.224.856.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.253.460.000	3.971.867.450	4.253.460.000	3.971.867.450
Tổng cộng	20.416.498.296	37.693.912.416	39.308.139.464	18.802.271.248

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 10080001/HĐTDHM ngày 10/2/2010 với hạn mức cho vay là 14 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 1%/tháng và thay đổi theo quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng 4 chiếc xe tại Văn Phòng Công ty.

Khoản vay Ngân hàng NHNN&PTNN Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 5400LAV201000173/HĐTD ngày 01 tháng 02 năm 2010 với hạn mức cho vay là 2 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm và không có tài sản đảm bảo.

15. Phải trả người bán

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Xí nghiệp than Nha Trang	607.728.000	292.139.320
Ông Lương Ngọc Thiện	191.107.000	215.753.500
Công ty CP Đông Á	264.655.600	-
Công ty TNHH Thiên Tự Phước	280.614.720	40.000.000
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	1.533.752.000	-
Công ty TNHH một thành viên xi măng LUKS	338.932.024	843.323.000
Công ty TNHH ĐT & TV xây dựng Quốc tế	463.102.000	187.845.900
DNTN VLXD Thanh Trà	952.362.105	154.919.000
Cửa hàng VLXD 815	1.164.377.000	-
Công ty TNHH một thành viên Hiệp Thịnh Phát	1.853.874.000	-
Ông Nguyễn Nhật Quy	154.800.000	374.430.000
Công ty thủy điện Đại Ninh	114.813.376	-
Tổ khai thác đất	175.651.000	91.000.000
Khách hàng khác	3.770.884.644	5.798.497.358
Cộng	11.866.653.469	7.997.908.078

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải cuối kỳ
I. Thuế		1.417.528.579	13.231.645.076	14.058.966.614	590.207.041
1.	Thuế giá trị gia tăng hàng bán trong nước	477.832.228	6.644.226.930	6.631.977.038	490.082.120
2.	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	111.280.438	111.280.438	-
3.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	329.716.006	329.716.006	-
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	675.280.499	2.766.383.929	3.492.252.707	(50.588.279)
	<i>Thuế thu nhập hiện hành</i>	675.280.499	2.688.943.607	3.382.914.457	(18.690.351)
	<i>Khoản nộp phạt thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	-	77.440.322	77.440.322	-
	<i>Khoản ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	31.897.928	(31.897.928)
5.	Thuế tài nguyên	264.972.452	2.631.431.456	2.752.985.308	143.418.600
6.	Tiền thuê đất (*)	(3.300.000)	616.509.653	613.269.653	(60.000)
7.	Các loại thuế khác	2.743.400	132.096.664	127.485.464	7.354.600
	<i>Thuế môn bài</i>	-	8.000.000	8.000.000	-
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	2.743.400	124.096.664	119.485.464	7.354.600
II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		88.291.700	666.404.200	713.016.900	41.679.000
1.	Phí bảo vệ môi trường	88.291.700	578.490.000	625.102.700	41.679.000
2.	Các khoản phải nộp khác	-	87.914.200	87.914.200	-
Cộng		1.505.820.279	13.898.049.276	14.771.983.514	631.886.041

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước.

- Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng:
 - + Bán hàng trong nước : 10 %
 - + Xuất khẩu nước ngoài : 0 %

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.12)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

- Thuế nhà đất**

Công ty nộp thuế đất theo Hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17. Chi phí phải trả

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	538.397.000	567.419.000
Chi phí bốc tải phủ	-	-
Chi phí phải trả khác	565.591.077	370.970.000
Tổng Cộng	1.103.988.077	1.140.635.154

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	391.137.576	345.931.519
Bảo hiểm xã hội	189.773.706	135.772.266
Bảo hiểm Y tế	73.483.166	34.313.597
Bảo hiểm thất nghiệp	29.238.385	12.628.385
Tiền cổ tức phải trả cho Công ty Cổ phần Hiệp Thành	-	442.122.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	10.487.872	-
Phải trả khác	1.131.720.346	848.470.082
Cộng	1.857.431.051	1.819.237.849

19. Vay và nợ dài hạn

Đối tượng	Đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng	15.812.541.960	-	-	3.091.867.450	12.720.674.510
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng	3.440.000.000	-	-	880.000.000	2.560.000.000
Tổng Cộng	19.252.541.960	-	-	3.971.867.450	15.280.674.510

Vay chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay số 08220005/HĐ ngày 29/04/2008 với số tiền cho vay là 19,5 tỷ đồng, thời hạn 9 năm. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy Hiệp An. Khoản vay chịu lãi suất là 1,3%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.6). Khoản vay được thanh toán từ ngày 29/07/2009 đến ngày 29/07/2017 với số tiền 609 triệu đồng/quý.
- Hợp đồng vay số 09220008 ngày 19/01/2009 với số tiền cho vay là 2,5 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư Nhà chứa nhiên liệu, nhà xưởng nghiền-trộn liệu, thiết bị sàng phân ly samốt và hệ móng máy, móng lò nung, sấy, lò sinh khí than nóng, Tấm Carbon silic và trụ nung. Khoản vay chịu lãi suất là 1,06%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản, giá trị tài sản đảm bảo 5.161.399.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý từ ngày 19/07/2009 đến ngày 19/07/2012 với số tiền 143 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 19/10/2012 với số tiền thanh toán là 62 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Hợp đồng vay số 09080001 ngày 03/09/2009 với số tiền cho vay là 3,3 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Khoản vay chịu lãi suất là 10,5%/ năm (0,875%/tháng) tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09080001, giá trị tài sản đảm bảo 6.795.760.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc 6 tháng/lần từ ngày 03/10/2010 đến ngày 03/04/2014 với số tiền 374 triệu đồng/6 tháng, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 03/09/2014 với số tiền thanh toán là 308 triệu đồng.
- Hợp đồng vay số HD 10080002DN ngày 24/3/2010 với số tiền cho vay là 460.147.650 VND, thời hạn 36 tháng. Khoản vay nhằm mục đích nhập máy móc thiết bị. Khoản vay chịu lãi suất là 15%/ năm (1,25%/tháng). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được thanh toán hàng quý từ ngày 24/06/2010 đến ngày 24/12/2012 với số tiền 38,25 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 24/03/2013 với số tiền thanh toán là 39,667,650 VND.

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng

- Hợp đồng vay số 01/2008/HĐ ngày 12/05/2008 với hạn mức cho vay là 5,5 tỷ đồng với thời hạn 84 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy bê tông Hiệp Lực. Khoản vay chịu lãi suất là 1,46%/tháng và không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý, từ ngày 25/2/2009 đến ngày 25/5/2010 thanh toán với số tiền 150 triệu đồng/quý, từ ngày 25/8 /2010 đến ngày 25/5/2011 thanh toán với số tiền 180 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2011 đến ngày 25/05/2012 thanh toán với số tiền 220 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2012 đến ngày 09/05/2015 thanh toán với số tiền 250 triệu đồng/quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Thiện Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20. Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư 1/1/2010	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.425.234.557)	5.363.307.954	747.371.931	7.383.498.329	418.233.054	117.865.743.431
Tăng vốn trong năm	-	-	157.500.000	-	-	-	-	157.500.000
Lãi trong năm trước Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	-	-	12.215.427.331	-	12.215.427.331
Tăng khác	-	-	-	368.821.371	-	-	-	368.821.371
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.845.000.000)	-	(5.845.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	582.130.457	374.237.417	(1.538.498.331)	-	(582.130.457)
Giảm khác	-	-	(281.319.072)	-	-	(138.000.000)	(418.233.054)	(837.552.126)
Số dư 31/12/2010	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.549.053.629)	6.314.259.782	1.121.609.348	12.077.427.329	-	123.342.809.550
Số dư 1/1/2011	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.549.053.629)	6.314.259.782	1.121.609.348	12.077.427.329	-	123.342.809.550
Tăng vốn trong năm	-	-	(1.823.081.886)	-	-	-	-	(1.823.081.886)
Lãi trong năm Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	-	-	11.416.749.019	-	11.416.749.019
Tăng khác	-	-	-	515.441.096	-	-	-	515.441.096
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(9.909.000.000)	-	(9.909.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	625.822.383	603.871.366	(2.168.427.329)	-	(938.733.580)
Giảm khác	-	-	-	(74.917.269)	-	(135.000.000)	-	(209.917.269)
Số dư 31/12/2011	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	7.380.605.992	1.725.480.714	11.281.749.019	-	122.394.266.930

Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	342.500	166.500
+ Cổ phiếu phổ thông	342.500	166.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.157.500	8.333.500
+ Cổ phiếu phổ thông	8.157.500	8.333.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các quỹ

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	182.108.383.846	139.401.630.268
Giảm giá hàng bán	58.036.850	-
Doanh thu thuần	182.050.346.996	139.401.630.268

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán	121.757.231.012	91.095.916.473
Cộng	121.757.231.012	91.095.916.473

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.556.349.313	1.476.699.693
Cổ tức được chia	2.408.785.055	1.620.740.000
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	174.340.132	867.720.203
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	268.362.468
Tổng cộng	5.139.474.500	4.233.522.364

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	6.961.984.536	6.006.367.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	23.548.202	2.765.834
Chiết khấu thanh toán	22.297.441	-
Tổng cộng	7.007.830.179	6.009.133.578

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	2.437.098.256	1.230.057.452
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4.823.080.524	2.712.406.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.146.504.737	1.317.191.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.939.693.953	8.083.093.718
Chi phí bằng tiền khác	1.322.541.838	5.494.231.043
Tổng cộng	22.668.919.308	18.836.980.735

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí lương nhân viên	9.511.587.660	7.947.123.938
Chi phí nguyên vật liệu	1.309.883.391	1.363.065.338
Chi phí khấu hao	1.021.135.298	1.012.446.406
Thuế, phí lệ phí	562.351.185	405.468.458
Chi phí dự phòng	3.535.526.492	46.243.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	620.707.831	600.651.004
Chi phí bằng tiền khác	4.342.312.539	2.879.609.236
Tổng cộng	20.903.504.396	14.254.607.380

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	645.336.852	-
Thu nhập từ xử lý cổ tức	-	1.132.459.077
Thu nhập từ tiền đền bù xường	205.740.000	845.678.000
Thu nhập khác	542.332.669	231.405.851
Cộng	1.393.409.521	2.209.542.928

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí khác

	Năm nay
Thanh lý tài sản cố định	560.750.733
Phạt nộp thuế tài nguyên, môi trường	507.336.522
Chi phí di dời xưởng	205.850.991
Chi phí khác	350.674.154
Cộng	1.624.612.400

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế.	14.621.133.722	15.259.413.708
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	148.238.050	6.762.150
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	1.951.832.960	3.021.561.545
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm	12.817.538.812	12.244.614.313
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	3.204.384.703	3.043.986.377
<i>Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong năm</i>	<i>515.441.096</i>	<i>368.821.371</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành dự tính phải nộp	3.204.384.703	3.043.986.377

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	8.333.500	8.350.000
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	-	7.500
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	200.000	24.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	8.177.155	8.354.875
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.416.749.019	12.215.427.331
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.396,18	1.462,07

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hiệp Thành Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trong năm, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty CP hiệp Thành	Trả cổ tức	1.935.589.845
	Thu nhập từ cổ tức	1.567.154.845
	Thu tiền cổ tức chưa xử lý nguồn Hiệp Thành	368.435.000
	Bán nguyên vật liệu	1.388.080.359
	Thu tiền bán nguyên vật liệu	885.532.145
Công ty TNHH MTV Hiệp thành phát	Công ty con	
	Mua nguyên liệu	1.853.874.000
	Bán hàng	1.097.645.010
	Thu tiền bán hàng	644.029.100
Công ty CP Hiệp Phú	Công ty liên kết	
	Thu tiền bán hàng	937.758.000

Số dư các khoản công nợ phải thu. (phải trả) với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bên liên quan	Số tiền
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	
Phải thu tiền bán nguyên vật liệu	522.332.189
Phải thu cổ tức	368.435.000
Công ty TNHH MTV Hiệp thành phát	
Phải trả tiền mua nguyên liệu	1.853.874.000
Phải thu tiền bán hàng	453.615.910
Công ty CP Hiệp Phú	
Phải thu tiền bán hàng	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Thù lao hội đồng quản trị

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Thù lao hội đồng quản trị	234.000.000	234.000.000

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	47,87	42,74
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	52,13	57,26
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	31,54	32,93
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	68,46	67,07
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,09	1,92
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,38	4,49
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,82	0,63
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	8,03	10,95
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,27	8,76
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	8,18	8,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,39	6,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,33	9,90

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu